

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chuyên và ông Trần Tuấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Anh D và chị H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Hà Văn D có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Sơn (xã Vũ Tây cũ), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 17/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh tại xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, đến năm 2017 xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, con dâu chửi mẹ chồng, vợ chồng cãi vã, đánh chửi nhau do tình tình không hợp, mặc dù gia đình đã khuyên bảo giúp đỡ,

đến nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết cho anh được ly hôn với vợ là Trần Thị Thu H.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Hà Trần Hoài A, sinh ngày 25/10/2015 và con Hà Trần An Nh, sinh ngày 22/3/2017, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, nhưng chị H xin được nuôi cả 02 con thì anh cũng đồng ý và anh cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/con/tháng, kể từ tháng 3/2021 đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh lao động tự do (bán hàng) tại Thành Phố Hà Nội, thu nhập từ 7 đến 10 triệu đồng một tháng.

* Bị đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày: Về việc kết hôn như anh D đã trình bày, quá trình chung sống sau khi kết hôn anh D tuy chưa biết thông cảm cho những vất vả của vợ khi có 02 con nhỏ, nhưng anh vẫn rất tốt tính, ngoan hiền, chiều vợ con. Còn đối với hai bên gia đình vì tuổi còn trẻ nên có những sai sót, nhưng bố mẹ hai bên đều bỏ qua và động viên, thực tế chị không có mâu thuẫn với mẹ chồng. Những cãi vã nhỏ thường xuất phát từ nguyên nhân bạn bè và mạng xã hội nên cũng đã vì vợ con mà thay đổi nhiều. Nhưng đến cuối năm 2019 anh lấy lý do vì trả nợ và mua nhà nên quyết dừng công việc tại Thái Bình để chuyển vào Sài Gòn, anh công tác trong Sài Gòn được gần 02 tháng vợ chồng vẫn liên lạc bình thường, vui vẻ với vợ con. Đến tháng 7/2020 anh gọi về cho gia đình đòi ly dị vợ và nói với chị là do tính chất công việc một năm chỉ về được một lần nên không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với chị, nhưng đó không phải là lý do để anh xin ly hôn, mà thực chất là anh đã phải lòng người đàn bà khác. Chị mong muốn anh suy nghĩ lại, quay về đoàn tụ để cùng chị nuôi dạy con cho tốt, nên chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hà Trần Hoài A, sinh ngày 25/10/2015 và con Hà Trần An Nh, sinh ngày 22/3/2017, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con, yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con theo khả năng của anh D.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm tại Công ty may Ngọc Vân, tại xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, thu nhập 05 triệu đồng một tháng, chưa kể thu nhập làm tăng ca.

* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tây Sơn, cán bộ đại diện cho Đoàn thể, đại diện chính quyền cung cấp cho biết: Anh D và chị H có hộ khẩu thường trú, kết hôn tại xã T vào ngày 17/12/2014, sau kết hôn anh chị chung sống tại thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình cùng bố mẹ anh D. Quá trình chung sống vợ chồng anh D không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay anh D đang đi làm ở ngoài tỉnh, còn chị H làm ở công ty may tại xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình. Về con chung

vợ chồng anh D có 02 con chung như anh chị đã trình bày. Về tài sản chung không có, không vay nợ các quỹ của địa phương. Nay anh D xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

- Tòa án có lấy lời khai của bà Trần Thị Th (mẹ đẻ của anh D):

Sau khi cưới vợ chồng anh D chị H có sống cùng với gia đình bà, anh D đi làm về được ở trạm xá xã, chị H sau khi sinh con đầu thì đi làm ở phòng khám ung bướu ở Cầu Kim, thành phố Thái Bình. Anh D mới đi làm xa nhà từ đầu năm 2020, bà không rõ làm ở đâu, làm việc gì. Chị H hiện nay đi làm may ở Vũ Đông, thành phố Thái Bình. Vợ chồng anh D chị H sống với nhau cũng thỉnh thoảng có mâu thuẫn, xô xát nhỏ thì bà có can ngăn, nhưng do hiểu lầm thì chị H nghĩ là bà bênh con trai nên cũng có lời lẽ không phải, nhưng bà cũng không chấp. Anh D mới đi làm xa nhà từ đầu năm 2020, có về nhà hai lần vào tháng 3/2020 và tháng 8/2020. Hiện nay hai đứa con của anh D chị H đang ở với chị H cùng với gia đình bà. Nếu anh D chị H ly hôn thì hai đứa con của D và H nên giao cho một người nuôi vì không nên chia rẽ các cháu. Anh D và chị H không nợ, không có tài sản gì chung với gia đình bà. Nay anh D xin ly hôn chị H bà chỉ mong vợ chồng D, H đoàn tụ để trông nom con cái trưởng thành.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thể đoàn tụ, anh D không còn tình cảm với chị H. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn chị H;

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Trần Hoài A, sinh ngày 25/10/2015 và con Hà Trần An Nh, sinh ngày 22/3/2017, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con, nên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đồng cho hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về pháp luật tố tụng:

[1] Bị đơn là chị Trần Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, anh D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, Tòa án đã thụ lý giải quyết đúng với quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tây Sơn, và thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của nguyên đơn, bị đơn vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của anh D và chị H có giấy chứng nhận kết hôn, đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc đã lâu, đã được gia đình khuyên bảo nhưng vẫn không cải thiện được. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa anh D và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần giải quyết cho anh D được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung:

Hiện nay 02 con chung của anh D và chị H đang được chị H trực tiếp chăm sóc tốt, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con được anh D chấp thuận, do vậy để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và môi trường sống cho các cháu, nên giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Hà Trần Hoài A, sinh ngày 25/10/2015 và con Hà Trần An Nh, sinh ngày 22/3/2017, chấp nhận việc anh D tự nguyện cấp dưỡng cho 02 con: Mỗi con là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi các con đều đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung:

Anh D và chị H đều khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

Anh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Xử cho anh Hà Văn D được ly hôn chị Trần Thị Thu H.

2. *Về con chung:*

- Giao cho chị H được trực tiếp nuôi 02 con chung là Hà Trần Hoài A, sinh ngày 25/10/2015 và con Hà Trần An Nh, sinh ngày 22/3/2017, anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con: Mỗi con là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng, kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi các con đều đủ 18 tuổi.

- Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí:*

Anh D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh D đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001799 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, anh D còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Minh Đức